



SỰ KHÁC BIỆT GIỮA NHÂN HỌC VÀ NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI

VƯƠNG XUÂN TÌNH
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
TRẦN HỒNG HẠNH
TRẦN MINH HẰNG
NGUYỄN CÔNG THẢO

1. Bối cảnh

Mặc dù mới được chính thức hình thành với tư cách một ngành khoa học ở Việt Nam từ đầu thập niên 60 của thế kỷ XX nhưng những tri thức dân tộc học tích lũy từ nhiều thế kỷ trước, đặc biệt từ nửa cuối thế kỷ XIX tới nửa đầu thế kỷ XX, đã giúp Dân tộc học Việt Nam sớm khẳng định vị thế, vai trò của mình trong xã hội đương đại. Sự tiếp nối các tri thức khoa học được xây dựng trong suốt các thời kỳ lịch sử khác nhau đã tạo ra những đặc điểm riêng của Dân tộc học Việt Nam (Nguyễn Văn Chính, 2007, tr. 48), một truyền thống rất độc đáo, rất quý báu không dễ gì dứt bỏ. Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu đổi mới chung của ngành, một quá trình đổi mới từ Dân tộc học sang Nhân học đã bắt đầu được tiến hành ở các nước Tây Âu từ những năm 1960 và sau này ở các nước Đông Âu và Trung Quốc, và trong quá trình hội nhập quốc tế của đất nước, từ những năm 2000, cả hệ thống nghiên cứu và đào tạo Dân tộc học Việt Nam đã chuyển đổi dần sang hướng Nhân học văn hóa/xã hội.

Trong quá trình chuyển đổi đó, chúng ta đã chứng kiến rất nhiều quan điểm khác nhau của các nhà khoa học trong ngành về việc có nên thay đổi hoàn toàn tên Dân tộc học thành Nhân học hay không, hay chỉ nên thay đổi về phương pháp, nội dung tiếp cận theo hướng Nhân học¹. Cũng từ sự khác nhau về quan điểm, đặc thù riêng của mỗi cơ quan nghiên cứu, giảng dạy Dân tộc học mà mức độ chuyển đổi được diễn ra với tốc độ, quy mô khác nhau. Tuy nhiên, cần khẳng định, đây là đặc điểm và là một thành tựu trong đổi mới của ngành Dân tộc học Việt Nam.

Trong bối cảnh tiếp thu các yếu tố của Nhân học để đổi mới, còn có những luận điểm về sự giống nhau giữa Nhân học và Nghiên cứu con người. Điều đáng lưu ý là, luận điểm này đã ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức và triển khai nhiệm vụ của một số cơ quan, trong đó có Viện Dân tộc học và

¹ Theo Mạc Đường (2002, tr. 18), chỉ hơn 70% hội viên Hội Dân tộc học Việt Nam được lấy ý kiến năm 2001 có xu hướng muốn đổi tên Dân tộc học thành Nhân học.

Viện Nghiên cứu Con người thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ảnh hưởng trước hết là về nhiệm vụ đào tạo của Viện Dân tộc học và Viện Nghiên cứu Con người. Viện Dân tộc học được thành lập năm 1968 với chức năng chính là nghiên cứu cơ bản, toàn diện, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng và dự báo về các vấn đề dân tộc ở Việt Nam và thế giới; tham gia tư vấn khoa học và đào tạo đại học, sau đại học về Dân tộc học/Nhân học². Viện Nghiên cứu Con người được thành lập từ năm 1999, có chức năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về con người để cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược, chính sách phát triển con người và nguồn lực con người ở Việt Nam; tổ chức tư vấn và đào tạo sau đại học, tham gia phát triển nguồn nhân lực của cả nước³. Tên giao dịch tiếng Anh của Viện Dân tộc học là Institute of Anthropology, còn của Viện Nghiên cứu Con người là Institute of Human Studies. Ngay từ khi thành lập (năm 1999), trong khi Viện Dân tộc học và các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy Dân tộc học khác ở nước ta còn đang trong quá trình chuyển đổi, xây dựng các khung chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận Nhân học Âu - Mỹ, thì Viện Nghiên cứu Con người đã xây dựng Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Nhân học văn hóa. Năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định mã đào tạo của Viện Nghiên cứu Con người và Viện Dân tộc học đều là Nhân học văn hóa.

Sự việc trên đây dù không gây xáo trộn nhiều tới hoạt động của cả hai đơn vị nhưng cũng tạo nên tình trạng không rõ ràng trong

cơ cấu tổ chức và đào tạo của hai ngành Dân tộc học/Nhân học và Nghiên cứu con người, cũng như gây ra sự khó hiểu đối với nhiều người, thậm chí ngay cả với các cơ quan quản lý khoa học. Tình trạng trên kéo dài trong suốt thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI. Đến năm 2012, khi Viện Dân tộc học tiến hành cơ cấu lại các phòng, trung tâm nghiên cứu, trong đó có xây dựng 3 phòng nghiên cứu trong phạm vi của Nhân học⁴, lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã yêu cầu Viện Dân tộc học giải trình về sự giống và khác nhau trong các hướng nghiên cứu Nhân học của Viện Dân tộc học với Viện Nghiên cứu Con người.

Để giải trình vấn đề nêu trên, trước hết cần làm rõ sự khác biệt giữa Nhân học và Nghiên cứu con người. Đây là một công việc không đơn giản và phải đầu tư về công sức, trí tuệ tập thể. Theo đó, một nhóm cán bộ của Viện Dân tộc học đã thực hiện công việc trong khoảng 3 tháng để phục vụ cho việc giải trình⁵. Ngoài đọc tài liệu có liên quan, nhóm còn trao đổi ý kiến với các nhà khoa học quốc tế về sự giống nhau và khác biệt giữa hai ngành khoa học này⁶; đồng thời, đại diện lãnh đạo của Viện Dân tộc học cũng trao đổi với đại diện lãnh đạo đương nhiệm của

⁴ Đó là các phòng: Nhân học Môi trường, Nhân học Tôn giáo và Nhân học Y tế và Dân số.

⁵ Nhóm này gồm nhiều cán bộ, với nòng cốt là PGS.TS. Vương Xuân Tinh, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, TS. Trần Hồng Hạnh, TS. Trần Minh Hằng và Ths. Nguyễn Công Thảo.

⁶ Một số nhà khoa học như: 1) Giáo sư Lương Văn Hy, nguyên Trường Khoa Nhân học, Đại học Toronto, Canada; 2) Giáo sư Oscar Salemink, Khoa Nhân học, Trường đại học Copenhagen, Đan Mạch; 3) GS. Tine Gammeltoft, Khoa Nhân học, Đại học Copenhagen, Đan Mạch; 4) Giáo sư Kathryn Robinson, Phó Trường Khoa Nhân học, Đại học quốc gia Australia; 5) TS. Philip Taylor, Khoa Nhân học, Đại học quốc gia Australia; 6) Giáo sư Fed Blake, Phụ trách đào tạo sau Đại học, Khoa Nhân học, Đại học Tổng hợp Hawaii, Hoa Kỳ. Nhân dịp này, Viện Dân tộc học và nhóm nghiên cứu xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới các nhà khoa học nêu trên.

²Xem: Viện Dân tộc học, <http://viendantochoc.vass.gov.vn/Pages/Index.aspx>

³Xem: Viện Nghiên cứu Con người, <http://ihs.vass.gov.vn/Pages/trangchu.aspx>

Viện Nghiên cứu Con người⁷. Cuối cùng, báo cáo giải trình đã được lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chấp nhận.

Kể từ năm 2011, chức năng đào tạo sau đại học của các viện nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã chuyển về các khoa thuộc Học viện Khoa học xã hội. Theo đó, từ năm 2012, theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tại Học viện Khoa học xã hội, việc đào tạo tiến sĩ Nhân học thuộc nhiệm vụ của Khoa Dân tộc học.

Đến nay, tuy những khúc mắc và bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ về nghiên cứu, đào tạo giữa Viện Dân tộc học và Viện Nghiên cứu Con người đã được lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giải quyết, song vẫn còn không ít người, nhất là các cán bộ trẻ chưa hiểu thấu đáo về sự khác biệt giữa Nhân học với Nghiên cứu con người. Để góp phần làm sáng tỏ vấn đề đó, bài viết của chúng tôi sẽ giới thiệu về tình hình chuyển đổi từ Dân tộc học sang Nhân học trên thế giới và ở trong nước cũng như một số hướng tiếp cận Nhân học của Viện Dân tộc học trong những năm gần đây, trong so sánh với khoa học Nghiên cứu con người ở Việt Nam.

1. Dân tộc học, Nhân học trên thế giới và sự đổi mới của Dân tộc học ở Việt Nam

⁷ Trao đổi trong năm 2012 giữa PGS.TS. Vương Xuân Tình, Viện trưởng Viện Dân tộc học và PGS.TS. Mai Quỳnh Nam, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn đến PGS.TS. Mai Quỳnh Nam về sự thẳng thắn và chân thành khi trao đổi. Trong cuộc trao đổi này, PGS.TS. Mai Quỳnh Nam đã cho rằng Nghiên cứu con người không phải là Nhân học - khoa học chuyên ngành, mà là khoa học liên ngành.

Dân tộc học (Ethnology) là ngành khoa học ra đời vào khoảng cuối thế kỷ XVIII ở các nước châu Âu, với đối tượng ban đầu là nghiên cứu về những dân tộc lạc hậu ở ngoài khu vực này, và phương pháp chủ yếu là điền dã Dân tộc học - tức quan sát hay tham gia trực tiếp vào hoạt động của cộng đồng được nghiên cứu. Cùng với thời gian, Dân tộc học phát triển sang các vùng và châu lục khác. Tại Liên Xô, các nước Đông Âu (cũ) và Trung Quốc, Dân tộc học thuộc ngành Khoa học Lịch sử. Bởi vậy, trong nhiều thập kỷ, Dân tộc học của các nước này cũng chủ yếu nghiên cứu những vấn đề truyền thống của các tộc thiểu số hay cư dân nông thôn và ít chú ý nghiên cứu đương đại. Ở Liên Xô (cũ), chỉ đến thập niên 70 của thế kỷ trước, khi xuất hiện hướng nghiên cứu về Xã hội học tộc người, tức bộ môn nghiên cứu kết hợp giữa Dân tộc học và Xã hội học, việc nghiên cứu các vấn đề đương đại của Dân tộc học mới được thúc đẩy.

Vào thế kỷ XIX, tại Tây Âu đã xuất hiện một ngành khoa học mới là Nhân học (Anthropology), tức nghiên cứu về con người qua so sánh sự tương đồng và khác biệt về đặc điểm sinh học và văn hóa giữa các cộng đồng người. Ngành khoa học này có 4 chuyên ngành, đó là: Nhân học thể chất (Physical Anthropology), Nhân học ngôn ngữ (Linguistic Anthropology), Khảo cổ học (Archeology) và Nhân học văn hóa/xã hội (Cultural/Social Anthropology); trong đó, Nhân học văn hóa/xã hội được xem như tương ứng với Dân tộc học (Mạc Đường, 2002; Nguyễn Văn Chính, 2007, tr. 60). Tuy nhiên, Nhân học văn hóa/xã hội còn khác Dân tộc học ở chỗ, đối tượng nghiên cứu không chỉ là dân tộc lạc hậu hay cư dân

nông thôn mà cả dân tộc hay nhóm xã hội phát triển và cả cư dân đô thị; không chỉ nặng về xem xét truyền thống mà tập trung nghiên cứu các vấn đề đương đại. Sau đó, hai ngành khoa học này có sự phát triển không giống nhau ở những nước hay khu vực khác nhau. Hiện nay, tại các nước như Hoa Kỳ, Canada, Anh hay Australia, Dân tộc học đã hội nhập vào Nhân học nên hiếm thấy trường đại học nào có khoa Dân tộc học riêng. Ở Hoa Kỳ, môn Dân tộc học được đặt trong chương trình đào tạo của Nhân học, và Chi hội Dân tộc học cũng được đặt trong Hội Nhân học⁸. Song, tại một số nước Trung Âu, như Pháp và Đức, Dân tộc học tồn tại song song với Nhân học. Ở Đức, qua thống kê 24 trường đại học có khoa/ngành đào tạo về Dân tộc học (Ethnologie) hay Nhân học (Anthropologie), có 13/24 trường hợp lấy tên Dân tộc học (Ethnologie); có 7/24 trường hợp có tên gốc là Dân tộc học (Ethnologie) nhưng tên tiếng Anh là Nhân học (Anthropology); và có 4/24 trường hợp lấy tên là Nhân học (Anthropologie)⁹.

Tại Liên Xô và Đông Âu (cũ), sau khi hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, Nhân học ngày càng phổ biến. Viện Dân tộc học của Liên bang Nga đã đổi tên thành Viện Dân tộc học và Nhân học. Ở Trung Quốc, Nhân học đã trải qua 3 giai đoạn phát triển, đó là vào các năm 50, 80 và 90 của thế kỷ trước. Đến nay, Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Trung Quốc được đổi tên thành Viện Dân

tộc học và Nhân học; ngoài ra, có nhiều trường đại học cũng thành lập Khoa Nhân học hay viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu Nhân học. Với các nước khác tại châu Á như Thái Lan, Singapore, Malaysia, Ấn Độ..., Nhân học cũng là ngành khoa học được chú trọng.

Tóm lại, ở hầu hết các nước trên thế giới, Dân tộc học và Nhân học có mối quan hệ rất mật thiết. Trong quá trình phát triển, có thể Dân tộc học hội nhập vào Nhân học, hoặc cùng tồn tại. Tuy nhiên, nếu cùng tồn tại, Dân tộc học ngày nay đã đổi mới về đối tượng, lý thuyết và phương pháp, do tiếp thu ưu thế của Nhân học.

Dân tộc học Việt Nam đến nay đã có trên 50 năm xây dựng - nếu kể từ năm 1959, với sự giúp đỡ của các nhà dân tộc học Xô Viết, được đưa vào giảng dạy ở Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Sau đó, chuyên ngành khoa học này ngày càng phát triển: Năm 1967, Bộ môn Dân tộc học thuộc Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội ra đời; năm 1968, Viện Dân tộc học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) được thành lập; và đến nay, trên cả nước đã có vài chục cơ sở nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến Dân tộc học.

Trước Đổi mới (1986), do ảnh hưởng của Liên Xô và các nước Đông Âu (cũ), Dân tộc học Việt Nam cũng thuộc Khoa học Lịch sử. Điều đó thể hiện trong cơ cấu tổ chức, mã ngành đào tạo và kết quả nghiên cứu. Những công trình của Viện Dân tộc học trong giai đoạn này phần lớn đề cập tới kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam trước những năm 1945,

⁸ Xem: About AES, trong: American Ethnological Society, <http://aesonline.org/about-aes/>

⁹ Tổng hợp qua các nguồn tài liệu của TS. Trần Hồng Hạnh năm 2012. Năm 2006, TS. Trần Hồng Hạnh đã hoàn thành luận án tiến sĩ tại Free University of Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức.

1954, với nhiệm vụ xác định thành phần dân tộc, tìm hiểu bản sắc tộc người và góp phần làm sáng tỏ lịch sử của đất nước. Hầu như ít có công trình nghiên cứu vấn đề đương đại ở các tộc người hoặc nhóm xã hội, và nghiên cứu chỉ hướng vào cư dân nông thôn.

Từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới (1986), do Việt Nam ngày càng hội nhập sâu sắc với thế giới nên Dân tộc học Việt Nam cũng được tiếp xúc, giao lưu với những trường phái, khuynh hướng khác nhau. Mặt khác, do nhu cầu xã hội nên việc phát triển Dân tộc học theo khuôn mẫu của Liên Xô và các nước Đông Âu (cũ) không đáp ứng thực tế. Đó là bối cảnh của đổi mới Dân tộc học ở Việt Nam.

Thời điểm đổi mới Dân tộc học nước ta có thể được tính từ năm 2000. Dưới sự chủ trì của Viện Dân tộc học kết hợp với Hội Dân tộc học Việt Nam, với Bộ môn Dân tộc học của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội và Bộ môn Dân tộc học của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, trong thời gian 2000 - 2001, có 3 cuộc hội thảo quốc gia và 1 hội thảo quốc tế về đổi mới công tác nghiên cứu, giảng dạy và thông tin - tư liệu - thư viện đã được tổ chức. Qua đây, có hai vấn đề then chốt liên quan đến đổi mới Dân tộc học Việt Nam được thảo luận: Việc tách Dân tộc học khỏi Sử học để trở thành một ngành khoa học độc lập; tiếp thu những yếu tố tích cực trong đào tạo và nghiên cứu của Nhân học; và trong bối cảnh cụ thể, sẽ đổi tên Dân tộc học thành Nhân học.

Kể từ sau các cuộc hội thảo nêu trên, trong thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI, đã

có nhiều hoạt động liên quan đến đổi mới Dân tộc học ở nước ta. Về tổ chức, năm 2002, tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, Bộ môn Dân tộc học đã đổi tên thành Bộ môn Nhân học và tách khỏi Khoa Lịch sử; sau đó, đến năm 2007 trở thành Khoa Nhân học. Năm 2005, tên của Hội Dân tộc học Việt Nam được đổi thành Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam. Năm 2007, Đại học Khoa học Huế cũng thành lập Bộ môn Nhân học và Công tác xã hội. Năm 2010, Bộ môn Dân tộc học của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội đã được đổi tên thành Bộ môn Nhân học, trực thuộc Trường.

Về đào tạo, mã chuyên ngành Nhân học văn hóa và chuyên ngành Nhân học xã hội đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thay thế hoặc tồn tại song song với mã chuyên ngành Dân tộc học ở các trường và viện nghiên cứu có liên quan. Đào tạo Nhân học bậc đại học được thực hiện ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh vào năm 2003, ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội năm 2010. Bậc cao học được thực hiện từ năm 2007 ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh và sau đó là ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Còn bậc tiến sĩ - ở Viện Dân tộc học từ năm 2005, sau đó chuyển sang Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Ngoài ra, đến nay, cả Khoa Nhân học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh và Bộ môn Nhân học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và

Nhân văn Hà Nội cũng trở thành cơ sở đào tạo tiến sĩ Nhân học.

Từ ngày 27 tháng 4 năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT, theo đó, trong giáo dục đào tạo cấp đại học, không còn chuyên ngành Dân tộc học, chỉ có chuyên ngành Nhân học thuộc ngành Xã hội học và Nhân học. Đến ngày 15 tháng 2 năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo lại ra Thông tư số 04/2012/TT-GDĐT, theo đó, mã đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của hai chuyên ngành Dân tộc học và Nhân học thuộc ngành Xã hội học và Nhân học. Như vậy, trong đào tạo, Nhân học đã là ngành khoa học độc lập và bao trùm lên Dân tộc học. Trong bối cảnh đổi mới ấy, có rất nhiều cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Nhân học được đào tạo ở trong nước. Ngoài ra, hơn một thập kỷ qua có tới vài chục người của các viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức khác ở Việt Nam được đào tạo về Nhân học văn hóa/xã hội cấp thạc sĩ, tiến sĩ tại các nước như Mỹ, Anh, Canada, Hà Lan, Đan Mạch, Đức, Australia, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Riêng ở Viện Dân tộc học, cho đến nay, con số đó đã lên tới hơn 10 người.

Việc đổi mới tổ chức và đào tạo tác động đến đổi mới nghiên cứu. Với Viện Dân tộc học, trong hơn thập kỷ qua, do được bổ sung nguồn lực đào tạo về Nhân học và tiếp thu cách tiếp cận của Nhân học, bên cạnh quan tâm về kinh tế, xã hội và văn hoá tộc người ở xã hội truyền thống, Viện còn mở rộng xem xét vấn đề nêu trên trong bối cảnh đương đại; không chỉ nghiên cứu ở nông thôn mà còn ở cả đô thị. Về phương pháp nghiên cứu, ngoài phương pháp truyền thống là điền dã dân tộc học với các công cụ chủ yếu như quan sát, phỏng vấn sâu,

phương pháp định lượng ngày càng được áp dụng phổ biến. Ngoài ra, một số phương pháp nghiên cứu phát triển cũng được sử dụng, như phương pháp RRA, PRA, với những công cụ như thảo luận nhóm, phỏng vấn nhóm tập trung, vẽ bản đồ tham dự của cộng đồng...

Cũng nhờ bổ sung thế mạnh nghiên cứu của Nhân học nên hầu hết các vấn đề nóng bỏng hiện nay trong đời sống các dân tộc đều được Viện Dân tộc học quan tâm, như: xóa đói giảm nghèo; sở hữu, sử dụng đất và giao đất giao rừng; an ninh lương thực; bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên; tái định cư của các công trình thủy điện; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp; quan hệ dân tộc xuyên quốc gia; tệ nạn xã hội ở vùng biên giới; giáo dục, y tế; di dân tự do; chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống sang tôn giáo mới; văn hóa và phát triển bền vững; hệ thống chính trị cơ sở... Bên cạnh đó, nghiên cứu liên ngành ngày càng được chú trọng. Những nghiên cứu trong hơn một thập kỷ qua của Viện đã phối hợp với nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc những lĩnh vực: Xã hội học, Văn hóa học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ học, Kinh tế học, Giáo dục học, Nông học, Lâm nghiệp, Y tế...

Qua đổi mới trong hơn một thập kỷ nêu trên, có thể nhận thấy, các nhà nghiên cứu dân tộc học đã tiếp thu ưu thế của Nhân học để phát triển ngành Dân tộc học nước nhà, đóng góp ngày càng nhiều cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Sự khác biệt giữa Nhân học và Nghiên cứu Con người

Ở Việt Nam, lĩnh vực Nghiên cứu con người xuất hiện gần như đồng thời với Nhân học, và được khẳng định khi Viện Nghiên

cứu Con người (thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) được thành lập vào năm 1999. Tuy nhiên, ngay từ khi mới ra đời, có một số vấn đề gây nên sự hiểu lầm về tính tương đồng giữa lĩnh vực nghiên cứu này với Nhân học, đó là tên gọi tiếng Việt và mã số đào tạo. Song, nếu tìm hiểu sâu về bản chất, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu và đào tạo thì hai ngành khoa học này không phải là một. Đề thảo luận này không đi quá xa vấn đề, Nhân học ở đây được giới hạn trong chuyên ngành Nhân học văn hóa/xã hội - tức tương đồng với Dân tộc học.

Trước hết, về *tên gọi*. Trong tiếng Anh, hai ngành khoa học này có tên gọi không giống nhau, đó là Anthropology và Human Studies. Khi dịch sang tiếng Việt, nếu Human được dịch là “con người” thì dường như hai ngành khoa học này giống nhau, bởi Nhân học cũng được hiểu là khoa học nghiên cứu con người. Tuy nhiên, Human còn được dịch là “nhân văn”, và nếu theo đó, tên tiếng Việt của hai ngành lại không tương đồng. Trong thực tế, các nhà nghiên cứu đầu tiên của Viện Nghiên cứu Con người lại không quan tâm đến sự khác biệt này mà có xu hướng cho rằng ngành khoa học nghiên cứu con người ở Việt Nam chính là Nhân học. Họ đã thường xuyên dịch tên gọi của nhân học (Anthropology) sang tiếng Việt thành Nghiên cứu con người [Phạm Minh Hạc, Hồ Sĩ Quý (Chủ biên), 2001].

Khi giới thiệu về đối tượng nghiên cứu con người của Viện Nghiên cứu Con người, Phạm Minh Hạc (2001) chủ yếu trích dẫn định nghĩa về Nhân học của một vài giáo trình Nhân học xã hội và Nhân học văn hóa, trong đó nhấn mạnh các khái niệm như: “Nhân học văn hóa xã hội... là ngành khoa

học nghiên cứu tồn tại người trong một phạm vi rất rộng, nghiên cứu dân cư hiện nay trong bình diện xã hội và bình diện văn hóa”; “Nhân học là nghiên cứu con người, đặt việc nghiên cứu con người trong quan hệ chặt chẽ với nghiên cứu văn hóa và xã hội...” hay “Nhân học xã hội là lĩnh vực tri thức nghiên cứu các hiện tượng của thế giới nội tâm ở con người, giúp con người hiện thực hóa bản thân với tư cách là chủ thể...”... Đó là một số trong vô vàn định nghĩa về Nhân học (Phạm Minh Hạc, 2001, tr. 48-50). Tuy nhiên, sẽ không có gì cần bàn nếu tác giả không trực tiếp đi thẳng từ việc giới thiệu các định nghĩa về Nhân học này tới việc cần thiết phải nghiên cứu con người, đặc biệt là con người với 3 tư cách: cá thể, cá nhân và nhân cách. Trên cơ sở đó, tác giả đi đến đề xuất các chủ đề nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Con người là: Các vấn đề lý luận chung và phương pháp luận về nguồn gốc người Việt, các lý thuyết phát triển vòng đời; Các vấn đề sinh thể như quan hệ giữa cái tâm và cái thân, giữa di truyền và tự tạo, sinh trắc...; Văn hóa và con người, truyền thống và hiện đại trong con người ngày nay...; Chỉ số phát triển người... (Phạm Minh Hạc, 2001, tr. 55).

Vũ Thị Minh Chi (2001) cũng sử dụng nghĩa tiếng Anh của Nhân học (Anthropology) là ngành Nghiên cứu con người để ám chỉ rằng ngành khoa học chuyên ngành của Viện Nghiên cứu Con người chính là Nhân loại học. Tác giả đặt tên bài viết là “*Xu hướng nghiên cứu con người ở một số nước phát triển*”, nhưng thực tế, đó là một bài tổng quan về xu hướng phát triển của Nhân học trên thế giới. Xuyên suốt bài viết tác giả điếm lại nguồn gốc, bối cảnh ra đời của Nhân học (Anthropology), sự phát

triển của các trường phái lý thuyết Nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu của Nhân học và xu hướng phát triển khác nhau giữa các nước trên thế giới. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra rằng, truyền thống Nhân học ở các nước rất khác nhau. Ở một số nước như Đức, Nhân học văn hóa nằm trong Dân tộc học. Ở một số nước châu Âu, Dân tộc học đang xích lại gần Nhân học văn hóa. Còn ở Mỹ, Nhân học văn hóa lại bao quát cả Dân tộc học, Nhân học xã hội, Nhân học ngôn ngữ... Nhưng tác giả lại không xem xét sự tồn tại của Dân tộc học ở Việt Nam từ trước đến nay và quá trình chuyển đổi sang Nhân học của nó tại chính thời điểm Viện Nghiên cứu Con người ra đời. Thay vào đó, tác giả nhấn mạnh những vấn đề đặt ra cho Nhân học hiện đại, xu hướng nghiên cứu liên ngành trong Nhân học hiện đại và đề xuất rằng Viện Nghiên cứu Con người nên tham khảo kinh nghiệm, truyền thống Nhân học của các nước, từ đó xác định cho mình các lĩnh vực nghiên cứu phù hợp và tìm cho mình một vị trí trong ngành khoa học Nhân học của cả thế giới (Vũ Thị Minh Chi, 2001, tr. 111).

Những ví dụ trên cho thấy nếu chỉ xem xét nghĩa tiếng Anh của “Anthropology” và “Human Studies” để phân biệt hai ngành thì câu chuyện sẽ không có hồi kết. Thay vào đó, sự khác biệt của hai ngành khoa học này chủ yếu phải qua tìm hiểu bản chất, đối tượng, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu.

Về bản chất, Nhân học là khoa học chuyên ngành, được thể hiện qua đối tượng, hệ thống lý thuyết, phương pháp nghiên cứu riêng. Tuy trong triển khai nghiên cứu, Nhân học có thực hiện liên ngành với những lĩnh vực khác, song điều đó không xóa nhòa tính chất chuyên ngành của nó. Ngược lại, Nghiên cứu con người là khoa học liên

ngành, có thể được kết hợp từ nhiều ngành của khoa học xã hội, nhân văn và khoa học tự nhiên như Triết học, Sử học, Văn học, Dân tộc học, Nhân học, Xã hội học, Luật học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Sinh học, Y học... Bởi vậy, cho đến nay, Nghiên cứu con người chưa có lý thuyết và phương pháp nghiên cứu chuyên biệt.

Về đối tượng nghiên cứu, Nhân học nghiêng về xu hướng nghiên cứu cộng đồng con người, kể từ cộng đồng vi mô (gia đình, dòng họ, làng xóm) đến cộng đồng vĩ mô (nhóm xã hội, tộc người, quốc gia - dân tộc). Trong khi đó, nghiên cứu con người ngoài vấn đề chung, còn có xu hướng quan tâm tới con người cá nhân (nhân cách, tâm lý, chỉ số phát triển con người, dịch vụ con người...).

Về lý thuyết, Nhân học có hệ thống riêng, mà điển hình là các trường phái tiến hóa, cấu trúc, chức năng và hậu hiện đại. Theo đó, Nhân học cũng có phương pháp nghiên cứu chuyên biệt là điền dã, với các công cụ như quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm. Còn Nghiên cứu con người như đã trình bày, không có hệ thống lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đặc thù. Các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu chỉ được xác định trong tình huống cụ thể khi thực hiện dưới góc độ của ngành hay chuyên ngành khoa học nào đó.

Thứ hai, về *mã đào tạo*. Đến nay, có rất ít các trường đại học trên thế giới có khoa hay ngành Nghiên cứu con người (Human Studies)¹⁰. Có khoa nghiên cứu con người của trường đại học thiên về hướng nghiên

¹⁰ Đây là kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu qua website của nhiều trường đại học trên thế giới, và cũng tham khảo ý kiến của một số nhà Nhân học quốc tế.

cứ ứng dụng, hoặc đào tạo dịch vụ cho phát triển con người¹¹.

Vào năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định mã đào tạo của Viện Nghiên cứu Con người là Nhân học văn hóa, giống mã đào tạo của Viện Dân tộc học.

Như vậy, với bản chất là viện liên ngành, song Viện Nghiên cứu Con người lại có mã đào tạo của viện chuyên ngành. Khi việc đào tạo của các viện nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam được chuyển sang Học viện Khoa học xã hội, lúc đầu, đào tạo về Nghiên cứu con người vẫn sử dụng mã đào tạo Nhân học văn hóa; và chỉ từ năm 2012, mã đào tạo này của Khoa Nghiên cứu con người mới nhập về Khoa Dân tộc học.

Như đã trình bày ở trên, về bản chất, Nghiên cứu con người là khoa học liên ngành, khác với Nhân học là khoa học chuyên ngành. Trong chức năng, nhiệm vụ của Viện Nghiên cứu Con người cũng được xác định, đó là nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về con người¹². Trải qua thay đổi, hiện nay Viện Nghiên cứu Con người có 8 phòng/trung tâm nghiên cứu, trong đó chỉ có *Phòng Con người và Văn hóa* ít nhiều liên quan đến nghiên cứu của Nhân học văn hóa, song chức năng, nhiệm vụ của phòng này cũng đan chéo với một số ngành khoa học khác, như Văn hóa học, Văn hóa dân gian. Mặt khác, trong nhiệm vụ nghiên cứu của *Phòng Con người và Văn hóa*, còn có hướng quan trọng là xem xét văn hóa và nhân cách. Đây là hướng khác biệt với nghiên cứu văn hóa của Viện Dân

tộc học, vốn nghiêng về xem xét văn hóa tộc người. Như vậy, các phòng nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Con người không phải là nghiên cứu về Nhân học, và việc xây dựng 3 phòng nghiên cứu theo hướng Nhân học của Viện Dân tộc học đã được lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phê duyệt¹³ cũng không trùng lặp với chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Viện Nghiên cứu Con người.

3. Kết luận

Trải qua hơn 10 năm, việc nhận thức về sự khác biệt giữa Nhân học và Nghiên cứu con người ở nước ta bước đầu mới được làm sáng tỏ. Hạn chế cơ bản của trước đây là coi Nghiên cứu con người và Nhân học chỉ là một. Theo đó, đã dẫn tới một số xử lý không đúng về chức năng đào tạo và nghiên cứu liên quan đến Viện Dân tộc học và Viện Nghiên cứu Con người thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Những xử lý đó ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ đào tạo và việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu có liên quan.

Điểm khác biệt cơ bản của hai ngành khoa học nói trên là: i. Nhân học là khoa học chuyên ngành, có lý thuyết, phương pháp nghiên cứu chuyên biệt; ii. Nghiên cứu con người là khoa học liên ngành, không có lý thuyết, phương pháp nghiên cứu riêng, mà thường áp dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu của các ngành, ứng với trường hợp nghiên cứu cụ thể. Bởi thế, khoa học nghiên cứu con người không phải là Nhân học; và thực chất, Nhân học chỉ là một trong những ngành của khoa học xã hội nhân văn trong thực hiện liên ngành của Nghiên cứu con người.

¹¹ Ví dụ: *Department of Human Studies* của UAB School of Education, <http://www.uab.edu/education/home/departments-and-offices>.

¹² Xem: Viện Nghiên cứu Con người, <http://ihs.vass.gov.vn/Pages/trangchu.aspx>

¹³ Đó là các Phòng: Nhân học Tôn giáo, Nhân học Môi trường, và Nhân học Y tế và Dân số.

Diễn trình lịch sử về mối quan hệ giữa Nhân học và Nghiên cứu con người ở Việt Nam trong thời gian qua là một bài học về nhận thức và quản lý khoa học. Bài học đó cho thấy, khi xây dựng cơ sở cho sự phát triển của một ngành khoa học ở nước ta, cần phải được nghiên cứu thấu đáo, và trên hết, cần phải công tâm về khoa học.

Tài liệu tham khảo

1. About AES, trong: American Ethnological Society, <http://aesonline.org/about-aes/>
2. Vũ Thị Minh Chi (2001), “Xu hướng nghiên cứu con người ở một số nước phát triển”, trong: Phạm Minh Hạc, Hồ Sĩ Quý (Chủ biên) (2001), *Nghiên cứu Con người: Đối tượng và những hướng chủ yếu* (Niên giám nghiên cứu số 1), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 93-111.
3. Nguyễn Văn Chính (2007), “Một thế kỉ Dân tộc học Việt Nam: Những thách thức trên con đường đổi mới và hội nhập”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 5, tr. 47-67.
4. Department of Human Studies, UAB School of Education, <http://www.uab.edu/education/home/departments-and-offices>.
5. Mạc Đường (2002), *Dân tộc học đô thị và vấn đề đô thị hóa*, Nxb Trẻ.
6. Phạm Minh Hạc (2001), “Về đối tượng nghiên cứu con người: vài tư liệu và suy nghĩ”, trong: Phạm Minh Hạc, Hồ Sĩ Quý (Chủ biên) (2001), *Nghiên cứu Con người: Đối tượng và những hướng chủ yếu* (Niên giám nghiên cứu số 1), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 48-57.
7. Phạm Minh Hạc, Hồ Sĩ Quý (Chủ biên) (2001), *Nghiên cứu Con người: Đối tượng và những hướng chủ yếu* (Niên giám nghiên cứu số 1), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Viện Dân tộc học, <http://viendantochoc.vass.gov.vn/Pages/Index.aspx>
9. Viện Nghiên cứu Con người, <http://ihs.vass.gov.vn/Pages/trangchu.aspx>



Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2014

Ảnh: Lục Mạnh Hùng